

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 487/QĐ-UBND

*Sóc Trăng, ngày 07 tháng 3 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, giai đoạn 2014 - 2020****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, giai đoạn 2014 - 2020 (sau đây gọi là Đề án), với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**1. Mục tiêu chung**

Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch trong đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đề xuất các giải pháp quản lý và xử lý môi trường phù hợp; hướng đến bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan tại các vùng nước mặt, đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Sóc Trăng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định các nguồn gây ô nhiễm chính tại các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh nói chung và tại các khu vực đô thị, khu tập trung dân cư nói riêng.

- Đánh giá các tác động ô nhiễm của các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch đến môi trường và cộng đồng dân cư.

- Xây dựng và đề xuất các giải pháp quản lý môi trường tại các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch; áp dụng các giải pháp nhằm cải tạo và phục hồi môi trường tại các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Duy trì và phát triển các giải pháp phù hợp đã áp dụng có hiệu quả sau khi Đề án kết thúc.

II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Hoàn thiện và ban hành tiêu chí xác định, phân loại các khu vực bị ô nhiễm môi trường

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý thoát nước trong đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp; ban hành các văn bản, quy định về bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư. Tiến tới đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung phù hợp với quy mô của đô thị loại 3, loại 4 trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh các quy định về thu phí thoát nước, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên cơ sở quy định pháp luật và phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương; bù đắp một phần kinh phí cho việc cải tạo, khắc phục ô nhiễm trong thoát nước thải.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tái chế, tái sử dụng chất thải thực hiện thu gom, phân loại rác thải tại nguồn nhằm hạn chế tác động đến môi trường và các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch.

2. Tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Đẩy mạnh việc phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước tại ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch nhất là tại khu vực nội ô thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư,... nhằm phòng ngừa, khống chế ô nhiễm.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc chủ động ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm,...; qua đó, giúp giảm thiểu tối đa tác động của ô nhiễm nguồn nước tới môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm đối với hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra môi trường của các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3. Đầu tư công nghệ, đề xuất các giải pháp cải tạo, xử lý, phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng

Đánh giá mức độ ô nhiễm tại các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch; qua đó, lựa chọn hình thức, công nghệ phù hợp, hiệu quả để sử dụng nhằm cải tạo, xử lý, phục hồi môi trường tại các khu vực này; sử dụng các chế phẩm sinh học để giảm thiểu các chất hữu cơ, mùi hôi, bùn thải,...

4. Đầu tư, cải tạo, phục hồi hệ thống cống, kênh, mương, ao, hồ, đoạn sông, kênh, rạch nhằm khơi thông dòng chảy

Ưu tiên đầu tư khắc phục đối với các khu vực đang bức xúc về ô nhiễm nguồn nước. Thực hiện việc xác định ranh giới, diện tích ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị; xử lý, khắc phục tình trạng lấn, chiếm, san lấp hệ thống ao, hồ, kênh, mương trái phép làm thu hẹp diện tích mặt nước.

5. Phê duyệt danh mục công trình ưu tiên đầu tư cải tạo, phục hồi ô nhiễm giai đoạn 2014 - 2020 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường, không xả rác, chất thải trong sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, nước thải chưa qua xử lý xuống ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch,... Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên các phương tiện truyền thông của tỉnh đến cộng đồng.

2. Quy hoạch, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có tại các đô thị

- Xây dựng các chương trình, dự án đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có nhằm góp phần cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường đô thị, khu dân cư. Trước mắt, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị loại 3, loại 4 nhằm góp phần duy trì việc đạt tiêu chí của đô thị và nâng cao chất lượng môi trường sống của cộng đồng.

- Nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng mô hình công nghệ xử lý ô nhiễm tồn lưu, phục hồi môi trường tại các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch trong đô thị và các vùng bị tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật.

3. Giải pháp nguồn vốn

Vốn thực hiện Đề án được huy động từ các nguồn sau:

a) Vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: Chi sự nghiệp môi trường; nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; phí thoát nước; chi đầu tư phát triển; sự nghiệp khoa học - công nghệ; vốn ODA.

b) Vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương (nếu có).

c) Vốn đầu tư của các doanh nghiệp.

d) Nguồn tài trợ, đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

đ) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. KHÁI TOÁN KINH PHÍ

- Khái toán tổng kinh phí thực hiện: Khoảng 13.420.000.000 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm hai mươi triệu đồng).

- Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp môi trường, phí thoát nước, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các nguồn khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án.
- Hàng năm, phối hợp Sở Tài chính cân đối nguồn vốn sự nghiệp môi trường, nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải để đầu tư thực hiện các công trình thuộc danh mục của Đề án; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư để tranh thủ, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Nghiên cứu, bổ sung các điểm quan trắc môi trường nước mặt tại các kênh, mương, đoạn sông trong đô thị, khu dân cư vào quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc triển khai thực hiện Đề án. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan nghiên cứu, tìm các nguồn vốn, đề xuất các cơ chế khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong việc thực hiện các dự án đầu tư cải tạo ô nhiễm nước sông, kênh, rạch, ao, hồ, mương (như: Nạo vét, chỉnh trang đô thị; di dời nhà trên sông, kênh, rạch,...; đầu tư xử lý nước thải tập trung đô thị;...).
- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư; trong đó, chú trọng ưu tiên các dự án công nghiệp có sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Không cấp giấy chứng nhận đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng đối với dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Đề án. Hướng dẫn, bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đầu tư trọng điểm về bảo vệ môi trường các sông, kênh, rạch, ao, mương...; trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.
- Triển khai và đẩy mạnh công tác thu phí môi trường, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải,... Hướng dẫn việc sử dụng hiệu quả các nguồn thu này để đầu tư trực tiếp cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Xây dựng

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Đề án. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương liên quan trong việc lập quy hoạch chỉnh trang đô thị, hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Sóc Trăng và các huyện, thị xã.

- Trong quá trình thẩm định hồ sơ dự án xây dựng, cần đảm bảo thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật (như xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, đặc biệt ưu tiên cho quy hoạch hệ thống thoát nước đô thị).

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Đề án. Thực hiện các quy định về quản lý ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, kênh, rạch; phát triển, khai thác, sử dụng đúng mục tiêu và hiệu quả các dòng sông, ao, hồ, kênh, mương, rạch,... theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn. Tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả các công trình thoát nước trên địa bàn sau khi đầu tư, cải tạo và khắc phục.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người dân trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đặc biệt tại các đô thị, khu tập trung dân cư,... về hành vi xả trực tiếp chất thải vào sông, kênh, rạch, ao, hồ,... gây ô nhiễm nguồn nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: HC, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)
Lê Văn Hiếu

Phụ lục
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
CÁC AO, HỒ, KÊNH, MƯƠNG, RẠCH, SÔNG ĐANG BỊ Ô NHIỄM TRONG ĐÔ
THỊ, KHU DÂN CƯ, GIAI ĐOẠN 2014 - 2020

TT	Tên kênh, rạch, mương, sông	Kích thước (DxR) (m)	Tiêu chí đánh giá các kênh, mương cải tạo	Dự kiến phương án cải tạo, phục hồi	Khái toán kinh phí (1.000 đồng)
I	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG				1.900.000
1	Rạch Trà Men (KP1, KP6, P6)	3.000 x 4	Còn có dòng chảy nhỏ, có khả năng cải tạo, phục hồi.	Nạo vét thủ công.	1.200.000
2	Kênh 30/4 (KP6, P6)	2.000 x 5	Còn có dòng chảy tốt, có khả năng cải tạo, phục hồi.	Nạo vét cơ giới.	450.000
3	Kênh Nhân Lực (KP5, P9)	650 x 48,8	Còn có dòng chảy, có lưu lượng nước, có khả năng cải tạo, phục hồi.	Nạo vét cơ giới.	150.000
4	Kênh 3 tháng 2 (KP5, KP6, P9)	2.295 x 10	Còn có dòng chảy, có lưu lượng nước, có khả năng cải tạo, phục hồi.	Nạo vét cơ giới.	100.000
II	HUYỆN LONG PHÚ				1.350.000
5	Kênh Trường Bình (Kênh Quốc lộ 60), ấp Trường Bình, xã Trường Khánh	3000 x 5,5	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông và mở rộng dòng chảy để phục vụ tưới tiêu, thoát nước,...	Nạo vét thủ công.	700.000
6	Kênh sau nhà ông Đội Mốt đến cống Bảy Vườn, Ấp 3, thị trấn Long Phú	500 x 1,5	Còn có dòng chảy, có lưu lượng nước, có khả năng cải tạo và phục hồi.	Nạo vét thủ công.	150.000
7	Kênh sau chợ Bông Long, Ấp 5, thị trấn Long Phú	130 x 3	Còn có dòng chảy nhỏ, có khả năng cải tạo và phục hồi.	Nạo vét thủ công.	100.000
8	Kênh Phân Viện, ấp Ngãi Hội 2, thị trấn Đại Ngãi	400 x 3	Không có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	Nạo vét thủ công, khử mùi bằng chế phẩm vi sinh.	200.000

TT	Tên kênh, rạch, mương, sông	Kích thước (DxR) (m)	Tiêu chí đánh giá các kênh, mương cải tạo	Dự kiến phương án cải tạo, phục hồi	Khái toán kinh phí (1.000 đồng)
9	Kênh Xáng, Ấp 3, thị trấn Long Phú	800 x 5	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông và mở rộng dòng chảy để phục vụ tưới tiêu, thoát nước,...	Nạo vét cơ giới.	200.000
III	HUYỆN MỸ XUYÊN				450.000
10	Kênh Chà Và	1.750 x 10	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông và mở rộng dòng chảy để phục vụ giao thông, tưới tiêu, thoát nước.	Nạo vét, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm.	450.000
IV	THỊ XÃ VĨNH CHÂU				2.050.000
11	Kênh Plây Chóp - Chợ Lai Hòa, xã Lai Hòa	2.000 x 8	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông và mở rộng dòng chảy để phục vụ thoát nước.	Nạo vét cơ giới, khơi thông dòng chảy.	600.000
12	Kênh dân cư khu An Lạc, Vĩnh Hải	1.000 x 2	Còn có dòng chảy nhỏ, có khả năng cải tạo và phục hồi.	Nạo vét, khơi thông dòng chảy.	250.000
13	Kênh Sở Tại B, phường Vĩnh Phước (từ giáp khóm Xèo Me đến nhà bà Thạch Thị Bông)	1.000 x 2	Nước ứ đọng, khả năng thoát nước kém.	Làm cống hở.	700.000
14	Kênh phường Vĩnh Phước đoạn từ nhà ông Út Tăng khóm Xèo Me đến Kênh 42, khóm Vĩnh Thành	2.250 x 4	Còn có dòng chảy, có khả năng cải tạo và phục hồi.	Nạo vét.	200.000
15	Kênh Sở Tại A, phường Vĩnh Phước (đoạn từ	150 x 1	Nước ứ đọng, khả năng thoát nước kém.	Làm cống hở.	300.000

TT	Tên kênh, rạch, mương, sông	Kích thước (DxR) (m)	Tiêu chí đánh giá các kênh, mương cải tạo	Dự kiến phương án cải tạo, phục hồi	Khái toán kinh phí (1.000 đồng)
	trường THCS Vĩnh Phước đến mé sông)				
V	HUYỆN KẾ SÁCH				2.770.000
16	Kênh Hậu, khu tái định cư Ba Rinh, xã Đại Hải	240 x 4	Không có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	Xây dựng hệ thống công hộp, khử mùi bằng chế phẩm vi sinh.	650.000
17	Khu dân cư Tổ 6, ấp An Thành, thị trấn Kế Sách	340 x 2	Không có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	Xây dựng hệ thống công hộp.	700.000
18	Mương thoát nước Khu dân cư Ông Thả	30 x 7	Không có chức năng tưới tiêu phục vụ nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; khả năng thoát nước kém.	Xây dựng hệ thống công hộp.	150.000
19	Kênh Công An, thị trấn An Lạc Thôn	207 x 5	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông và mở rộng dòng chảy để phục vụ tưới tiêu, thoát nước.	Nạo vét, khơi thông dòng chảy.	170.000
20	Mương Trường mẫu giáo An Lạc Thôn	380 x 1	Còn có dòng chảy nhỏ, khả năng thoát nước kém.	Xây dựng hệ thống công hộp.	250.000
21	Kênh Hai Trọng, xã An Lạc Tây	800 x 15	Còn có dòng chảy, có lưu lượng nước, có khả năng cải tạo và phục hồi.	Nạo vét, khơi thông dòng chảy.	400.000
22	Kênh Ngọc Lý, ấp Đông Hải, xã Đại Hải	1.500	Còn có dòng chảy, có lưu lượng nước, có khả năng cải tạo và phục hồi.	Nạo vét, khơi thông dòng chảy.	150.000

TT	Tên kênh, rạch, mương, sông	Kích thước (DxR) (m)	Tiêu chí đánh giá các kênh, mương cải tạo	Dự kiến phương án cải tạo, phục hồi	Khái toán kinh phí (1.000 đồng)
23	Khu dân cư ấp An Định, thị trấn Kế Sách	300	Còn có dòng chảy nhỏ, khả năng thoát nước kém.	Xây dựng hệ thống công hợp.	300.000
VI	THỊ XÃ NGÃ NĂM				300.000
24	Kênh Tám Thuận ở Long Bình	500 x 5	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông và mở rộng dòng chảy để phục vụ tưới tiêu, thoát nước.	Nạo vét thủ công.	300.000
VII	HUYỆN MỸ TÚ				230.000
25	Rạch Mậu Tén, ấp Xẻo Gừa, xã Mỹ Hương	50 x 3	Không có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	Khơi thông dòng chảy.	150.000
26	Rạch Tổ 10, ấp Nội Ô, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	100 x 3	Khơi thông và mở rộng dòng chảy để phục vụ thoát nước.	Nạo vét thủ công.	80.000
VII I	HUYỆN CÙ LAO DUNG				1.070.000
27	Rạch chợ Bến Bạ (đoạn 1)	400 x 5	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	Xây dựng hệ thống công hợp.	550.000
28	Rạch chợ Bến Bạ (đoạn 2)	200 x 3	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông.	Nạo vét, khơi thông dòng chảy.	120.000
29	Ao khu dân cư (Chợ An Thạnh 3)	350 x 220	Không có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	San lấp mặt bằng.	400.000
IX	HUYỆN CHÂU THÀNH				1.400.000

TT	Tên kênh, rạch, mương, sông	Kích thước (DxR) (m)	Tiêu chí đánh giá các kênh, mương cải tạo	Dự kiến phương án cải tạo, phục hồi	Khái toán kinh phí (1.000 đồng)
30	Kênh Hậu cạp Quốc lộ 1A, thị trấn Châu Thành và Kênh thoát nước khu vực trung tâm thị trấn Châu Thành	2.000 x 3	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng, nghẽn dòng chảy, không có chức năng tưới tiêu phục vụ nông nghiệp.	Nạo vét bằng cơ giới, khử mùi bằng chế phẩm vi sinh.	400.000
31	Kênh Phú Bình, thị trấn Phú Tâm	5.000 x 8	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét, khơi thông.	Nạo vét cơ giới.	600.000
32	Kênh Hậu cạp Quốc lộ 1A, đoạn từ Khu Công nghiệp An Nghiệp đến Cầu Trà Canh	1200 (dài)	Có dòng chảy, có lưu lượng nước; kênh rạch có khả năng thực hiện nạo vét.	Nạo vét cơ giới.	400.000
X	HUYỆN THẠNH TRỊ				700.000
33	Kênh thoát nước ấp 2, thị trấn Phú Lộc	400 x 0,7	Không có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	Nạo vét, khơi thông dòng chảy.	150.000
34	Kênh thoát nước ấp 1, phía sau đường 30/4 (thị trấn Phú Lộc)	500 x 2	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng, nghẽn dòng chảy.	Xây dựng hệ thống công hộp.	550.000
XI	HUYỆN TRẦN ĐỀ				1.200.000
35	Kênh cạp đê chợ Bảy Giá	300 x 18	Không có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng.	San lấp.	300.000
36	Kênh 5% xã Đào Viên	500 x 7	Ô nhiễm do nước thải chăn nuôi, ảnh hưởng đến nước tưới sản xuất lúa.	Nạo vét cơ giới.	100.000

TT	Tên kênh, rạch, mương, sông	Kích thước (DxR) (m)	Tiêu chí đánh giá các kênh, mương cải tạo	Dự kiến phương án cải tạo, phục hồi	Khái toán kinh phí (1.000 đồng)
37	Mương thoát nước khu dân cư Xóm lưới, kênh Ba - Trần Đề	500 x 3	Không thoát nước, dòng chảy yếu.	Xây dựng công hộp.	600.000
38	Mương thoát nước khu dân cư ấp Lao Vên, xã Viên Bình	1.000 x 5	Mương bị bồi lắng không thoát được nước thải.	Nạo vét cơ giới	200.000
Tổng cộng					13.420.000